

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
QUỐC DÂN**



MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04-05
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-09
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11-13
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14-51

30044
CỘNG
HÒA
KIỂM
TRẠNG
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung về Ngân hàng

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân được đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt vào ngày 06 tháng 05 năm 2014. Trước đây Ngân hàng có tên gọi là Ngân hàng TMCPNT Sông Kiên, là Ngân hàng Cổ phần được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700169765 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Kiên Giang), giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 18 tháng 12 năm 2019.

Ngân hàng nắm quyền kiểm soát toàn bộ Công ty con là Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 31/12/2014) với mức vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu là tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Ngân hàng theo giấy đăng ký kinh doanh là: 4.101.555 triệu đồng.

Hoạt động chính của Ngân Hàng:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Góp vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Cung cấp dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

Mã chứng khoán niêm yết: NVB

Trụ sở chính của Ngân hàng: số 28C-D, Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 1 Hội sở chính, 24 chi nhánh, 66 phòng giao dịch. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Ngân hàng có 1 Công ty con.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng quản trị		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông NGUYỄN TIỀN DŨNG	Chủ tịch	10/11/2017	
Ông VŨ HỒNG NAM	Phó chủ tịch	10/11/2017	26/04/2019
Ông VŨ MẠNH TIẾN	Phó chủ tịch	10/11/2017	
Ông LÊ HỒNG PHƯƠNG	Thành viên thường trực	26/04/2018	26/04/2019
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Thành viên thường trực	24/04/2015	26/04/2019
Ông PHẠM THÊ HIỆP	Thành viên	26/04/2019	
Bà TRẦN HẢI ANH	Thành viên	10/11/2017	
Ông TRẦN KIM CHUNG	Thành viên	09/11/2017	
Ông LÊ XUÂN NGHĨA	Thành viên độc lập	24/04/2015	
Ban kiểm soát			
Bà TRẦN THỊ HÀ GIANG	Trưởng ban	26/04/2018	
Bà VŨ KIM PHƯỢNG	Thành viên	24/04/2015	
Ông LÊ TRỌNG HIẾU	Thành viên	24/04/2015	
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông PHẠM THÊ HIỆP	Tổng Giám đốc	19/07/2019	
Ông LÊ HỒNG PHƯƠNG	Tổng Giám đốc	18/10/2017	06/05/2019
Bà DƯƠNG THỊ LỆ HÀ	Phó Tổng giám đốc thường trực	26/04/2018	
Ông VŨ MẠNH TIẾN	Phó Tổng giám đốc	11/11/2013	26/01/2019
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Phó Tổng giám đốc	06/02/2013	26/01/2019
Ông NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	Phó Tổng giám đốc	26/01/2019	
Ông HOÀNG TUẤN TÚ	Phó Tổng giám đốc	13/11/2017	
Ông NGUYỄN HỒNG LONG	Phó Tổng giám đốc	21/08/2017	
Ông ĐỖ DANH HẢI	Phó Tổng giám đốc	01/10/2019	
Bà HÀ THỊ LINH	Phó Tổng giám đốc	19/11/2019	
Ông TRẦN THANH QUANG	Phó Tổng giám đốc	01/10/2019	
Bà ĐỖ THỊ THANH HƯỜNG	Kế toán trưởng	01/08/2016	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là ông Nguyễn Tiến Dũng - Chủ tịch HĐQT.

Theo giấy ủy quyền số 58/2019/UQ-CTHĐQT ngày 19 tháng 07 năm 2019, ông Nguyễn Tiến Dũng đã ủy quyền cho ông Phạm Thế Hiệp - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính báo cáo tài chính cho năm 2019.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

TP. Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020



Phạm Thế Hiệp



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi :

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ("Ngân hàng"), được lập ngày 08 tháng 04 năm 2020, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	231.724	291.598
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	V.02	494.362	1.587.706
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	15.274.646	6.683.833
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		14.390.438	6.651.833
2. Cho vay các TCTD khác		884.208	32.000
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		43.925	53.079
VI. Cho vay khách hàng		37.483.427	35.281.529
1. Cho vay khách hàng	V.04.1	37.910.603	35.674.111
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.04.2	(427.176)	(392.582)
VII. Hoạt động mua nợ	V.05	-	9.947
1. Mua nợ		-	10.022
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	(75)
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.06	13.195.518	16.132.945
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		6.913.703	8.864.536
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		6.366.102	7.353.896
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(84.287)	(85.487)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.07	654.682	706.682
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		719.600	719.600
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(64.918)	(12.918)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
IX. Tài sản cố định		589.531	614.912
1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	151.531	163.853
a. Nguyên giá tài sản cố định		303.247	295.518
b. Hao mòn tài sản cố định		(151.716)	(131.665)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.09	438.000	451.059
a. Nguyên giá tài sản cố định		495.224	493.679
b. Hao mòn tài sản cố định		(57.224)	(42.620)
X. Bất động sản đầu tư		-	-
XI. Tài sản có khác	V.10	12.426.207	11.059.939
1. Các khoản phải thu	V.10.1, 2	5.670.481	4.451.976
2. Các khoản lãi, phí phải thu		3.151.544	2.663.644
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác	V.10.3	3.804.182	3.980.178
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.10.4	(200.000)	(35.859)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		80.394.022	72.422.170

 93-C
 RY
 TUM
 IN
 NAM
 CHI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	1.244.200
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.11	12.414.097	9.757.537
1. Tiền gửi của các TCTD khác		11.580.289	8.456.393
2. Vay các TCTD khác		833.808	1.301.144
III. Tiền gửi của khách hàng	V.12	59.095.308	47.148.818
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.13	116.477	170.063
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.14	2.704.190	9.184.275
VII. Các khoản nợ khác	V.15	1.757.278	1.684.511
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.621.526	1.348.100
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		135.752	336.411
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		76.087.350	69.189.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
VIII. Vốn và các quỹ	V.16	4.306.672	3.232.766
1. Vốn của TCTD		4.071.911	2.980.572
a. Vốn điều lệ		4.101.555	3.010.216
b. Vốn đầu tư XDCB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ		(29.644)	(29.644)
2. Quỹ của TCTD		157.516	157.516
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		77.245	94.678
Lợi nhuận / lỗ năm nay		43.142	36.240
Lợi nhuận / lỗ năm trước		34.103	58.438
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		80.394.022	72.422.170

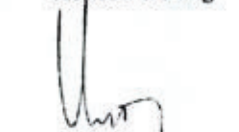
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1. Bảo lãnh vay vốn	V.30	-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		9.291.170	13.122.710
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		-	-
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		115.850	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		9.175.320	13.122.710
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		145.719	124.445
5. Bảo lãnh khác		2.411.802	2.644.624
6. Các cam kết khác		205.000	185.000

Người lập bảng


 Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng


 Đỗ Thị Thanh Hương


Tổng Giám đốc

Phạm Thế Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.17	5.291.273	4.738.865
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.18	4.132.865	3.757.692
I. Thu nhập lãi thuần		1.158.408	981.173
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		102.974	65.347
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		52.229	39.926
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.19	50.745	25.421
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.20	(3.189)	(21.786)
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.21	31.862	(22.034)
5. Thu nhập từ hoạt động khác		146.904	1.064.822
6. Chi phí hoạt động khác		142.941	803.579
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.22	3.963	261.243
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	-
VIII. Chi phí hoạt động	VI.23	862.619	999.842
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		379.170	224.175
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		71.523	63.963
X.2 Các khoản xử lý theo đề án tái cấu trúc NH		252.606	72.382
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		55.041	87.830
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		11.899	51.590
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.24	11.899	51.590
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		43.142	36.240
XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	VI.16.2	129	122

TP. Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Người lập bảng

Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Hiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.804.715	4.327.690
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(3.860.781)	(3.593.515)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		50.745	25.421
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		28.673	(43.820)
05. Thu nhập khác		85.068	49.629
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		3.927	12.630
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(905.481)	(1.013.119)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(49.858)	(38)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		157.008	(235.122)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(852.208)	691.266
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		2.938.627	(312.668)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		9.154	(53.079)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(2.226.470)	(3.573.547)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(38.204)	(79.293)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(1.141.467)	(656.970)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(1.244.200)	1.244.200
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		2.656.560	(5.966.999)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		11.954.471	1.429.180
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		(6.480.085)	3.784.922
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(53.586)	(48.392)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(38.895)
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(171.254)	11.126
22. Chỉ từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.508.346	(3.804.271)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(14.945)	(14.614)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		784	1.005.885
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(137)	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(14.298)	991.271

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

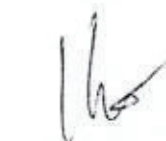
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		1.091.339	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		1.091.339	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.585.387	(2.813.000)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.531.137	11.344.137
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.25	15.116.524	8.531.137

TP. Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hà Thị Hiếu



Đỗ Thị Thanh Hương




Phạm Thế Hiệp